

(으)로

bằng, về phía, làm — phương tiện, phương hướng, chất liệu

Một tiểu từ bao gồm nhiều giới từ tiếng Việt như “bằng”, “về phía”, “làm”. Dạng của nó theo quy tắc phụ âm thông thường, với một ngoại lệ khiến ai cũng vấp: danh từ kết thúc bằng ㄹ.

Cách kết hợp

Loại danh từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	로	버스로 가요
Kết thúc bằng phụ âm	으로	젓가락으로 먹어요
Kết thúc bằng ㄹ	로 — không phải 으로	지하철로 가요
Chất liệu	—	나무로 만들었어요
Vai trò, tư cách	—	선생님으로 일해요
Lựa chọn	—	커피로 할게요

Khi nào dùng

Điểm chung xuyên suốt mọi cách dùng là phương tiện để thực hiện. Công cụ: 젓가락으로 먹어요. Phương tiện đi lại: 버스로 가요. Ngôn ngữ: 한국어로 말해요. Chất liệu: 나무로 만들었어요.

Nó cũng chỉ phương hướng, và đây là chỗ nó gần với 에. 에 chỉ điểm đến; (으)로 chỉ hướng bạn đang đi. Với 가다 cả hai đều dùng được, khác biệt rất nhỏ — nhưng trên biển báo và chỉ đường, bạn sẽ thấy (으)로: 오른쪽으로 가세요.

Hai cách dùng nữa nên biết sớm: sự lựa chọn, như trong 저는 커피로 할게요 (tôi chọn cà phê), và tư cách, vai trò, như trong 선생님이시라고 일해요 (tôi làm việc với tư cách giáo viên).

Ví dụ trong câu

- 1

지하철로 삼십 분 걸려요.

Đi tàu điện ngầm mất ba mươi phút.
- 2

한국어로 말해 주세요.

Xin hãy nói bằng tiếng Hàn.
- 3

이쪽으로 오세요.

Mời đi lối này.
- 4

나무로 만든 의자예요.

Đây là cái ghế làm bằng gỗ.
- 5

감기로 학교를 쉬었어요.

Tôi nghỉ học ở nhà vì bị cảm.
- 6

볼펜으로 쓰지 마세요.

Xin đừng viết bằng bút bi.

So sánh với

에

에 đánh dấu điểm đến là một điểm cố định; (으)로 đánh dấu hướng di chuyển. Với câu đơn giản “tôi đi đến trường” dùng 에; khi rẽ, hướng tới hay chỉ hướng thì dùng (으)로.

학교에 가요. (đi đến trường) / 오른쪽으로 가세요. (đi về bên phải)

와/과, 하고

Chữ “với” trong tiếng Việt được tách ra ở đây. Người cùng làm việc gì đó đi với 하고; công cụ bạn dùng thì đi với (으)로.

친구하고 만들었어요. (làm cùng bạn) / 손으로 만들었어요. (làm bằng tay)

에서

에서 chỉ nơi hành động xảy ra; (으)로 chỉ công cụ hoặc tuyến đường. Phương tiện đi lại dùng (으)로 khi đó là cách bạn di chuyển, và dùng 에서 khi có việc gì xảy ra bên trong nó.

버스로 왔어요. (đến bằng xe buýt) / 버스에서 잤어요. (ngủ trên xe buýt)

Lưu ý

- ✗ 지하철로 갔어요.

○ 지하철로 갔어요.

Danh từ kết thúc bằng ㄹ đi với dạng ngắn 로, phá vỡ quy tắc phụ âm thông thường. Tương tự với 서울로, 연필로, 술로.
- ✗ 버스에 왔어요.

○ 버스로 왔어요.

Phương tiện dùng để di chuyển đi với (으)로. Dùng 에 sẽ biến xe buýt thành điểm đến, không phải ý bạn muốn nói.
- ✗ 손에 먹지 마세요.

○ 손으로 먹지 마세요.

Bộ phận cơ thể dùng như công cụ đi với (으)로. 손에 sẽ có nghĩa “ở trong tay” như một vị trí.